

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST
Ngày 17/9/2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản (vàng)*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Cẩm

Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tân Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (vàng)*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST - DS ngày 27 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2021/QĐST-DS ngày 17/8/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1969; bà Phan Thị N, sinh năm 1973.

Cùng trú tại: Tổ dân phố N, phường, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1974; bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố K, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

(tại phiên tòa ông Đ, bà N, bà S có mặt; ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Ngô Văn Đ; bà Phan Thị N trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên vào năm 2010 vợ chồng ông Ngô Văn Đ, bà Phan Thị N có cho bà Huỳnh Thị S vay 05 chỉ vàng (loại vàng 97%) để sử dụng vào mục đích bán lấy tiền đóng tàu cá, hai bên thỏa thuận lãi suất 7,5 phân vàng (loại vàng 97%) trên 05 chỉ/năm, vay không kỳ hạn, nhưng từ ngày vay đến nay bà S không trả lãi theo thỏa thuận.

Năm 2012 bà S trả 01 chỉ gốc, từ năm 2012 đến năm 2018 bà S không trả nữa nên ghi giấy vay 04 chỉ vàng, loại vàng 97% (ghi ngày 13/11/2018). Trong

thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà S trả thêm 0,5 phân vàng. Nay ông Đ, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H, bà S có nghĩa vụ trả 3,5 chỉ vàng (loại vàng 97%). Ông Đ, bà N không tranh chấp lãi và không yêu cầu trả lãi trong suốt thời gian vay đến nay. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Đ, bà N xác định giá một chỉ vàng 97% tại thời điểm xét xử là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Bị đơn bà Huỳnh Thị S trình bày:

Năm 2010 bà Huỳnh Thị S có vay của vợ chồng ông Ngô Văn Đ, bà Phan Thị N 05 chỉ vàng, loại vàng 97%; mục đích vay để bán lấy tiền đóng tàu cá, hai bên thỏa thuận lãi 7,5 phân vàng 97% trên 05 chỉ/năm, vay không kỳ hạn. Bà S đã trả lãi trong 02 năm (từ năm 2010 đến năm 2011 là 03 chỉ vàng), việc trả lãi này do hai bên thỏa thuận, không lập thành văn bản nên không có tài liệu giao nộp cho Tòa án, nay bà S không tranh chấp số vàng lãi đã trả cho ông Đ, bà N. Năm 2012 bà S trả 01 chỉ gốc, do thời gian quá lâu mà không có tiền trả nên ngày 13/11/2018 bà S tự nguyện ghi lại giấy nợ 04 chỉ vàng, loại vàng 97% cho ông Đ, bà N lưu giữ.

Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, bà có trả thêm cho ông Đ, bà N 0,5 phân vàng, còn nợ 3,5 chỉ gốc. Nay ông Đ, bà N yêu cầu vợ chồng bà trả nợ thì bà đồng ý, nhưng do điều kiện kinh tế gia đình quá khó khăn, bà cam kết trả mỗi năm 01 chỉ vàng đến khi hết nợ. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị S xác định giá một chỉ vàng 97% tại thời điểm xét xử là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Đối với ông Nguyễn Thế H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 01/4/2021, ông Ngô Văn Đ, bà Phan Thị N khởi kiện bà Huỳnh Thị S, ông Nguyễn Thế H có địa chỉ trú tại phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Thế H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thế H.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung ông Ngô Văn Đ, bà Phan Thị N yêu cầu bà Huỳnh Thị S, ông Nguyễn Thế H trả lại 04 chỉ vàng (loại vàng 97%), nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp đòi lại tài sản (vàng)”, quá trình thu thập tài liệu, chứng

cứ thấy rằng bà S có xác lập hợp đồng vay vàng của ông Đ, bà N. Do đó, Hội đồng xét xử thay đổi quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (vàng)*”.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn Đ, bà Phan Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Huỳnh Thị S và ông Ngô Văn Đ, bà Phan Thị N thừa nhận vào năm 2010 có vay của ông Đ, bà Nguyễn 05 chỉ vàng (loại vàng 97%); mục đích vay bán lấy tiền đóng tàu cá; vay không kỳ hạn, lãi suất thỏa thuận 7,5 phân vàng (loại vàng 97%) trên 05 chỉ/năm. Đến nay bà S đã trả được 1,5 chỉ gốc; còn nợ 3,5 chỉ gốc, nhiều lần ông Đ, bà N yêu cầu bà S, ông H nhưng không trả nợ. Như vậy, đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi. Do đó, ông Ngô Văn Đ, bà Phan Thị N khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị S, ông Nguyễn Thế H trả nợ vay là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét lãi suất cho vay bằng vàng: Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP, ngày 03/4/2012 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động kinh doanh vàng thì việc thỏa thuận lãi suất cho vay bằng vàng của các bên đương sự là không đúng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Huỳnh Thị S không tranh chấp về số vàng lãi đã trả cho ông Đ, bà N và ông Đ bà N không tranh chấp, không yêu cầu trả lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Đối với ông Nguyễn Thế H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, vắng mặt tại phiên tòa. Bà Huỳnh Thị S là vợ ông Nguyễn Thế H xác định mục đích vay để bán lấy tiền đóng tàu cá, là tài sản chung của vợ chồng. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình buộc ông Nguyễn Thế H, bà Huỳnh Thị S có nghĩa vụ trả 03 chỉ 5 phân vàng (*ba chỉ năm phân vàng*), loại vàng 97% cho ông Ngô Văn Đ, bà Phan Thị N.

[3] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các bên đương sự thỏa thuận 01 chỉ vàng (loại vàng 97%) có giá quy đổi là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) x 3,5 chỉ = 17.500.000 đồng. Xét thỏa thuận của đương sự là có căn cứ, phù hợp với giá vàng tại thời điểm xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận để làm căn cứ tính án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị S, ông Nguyễn Thế H phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Ngô Văn Đ, bà Phan Thị N theo biên lai thu tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 471, 474, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn Đ, bà Phan Thị N. Buộc bà Huỳnh Thị S, ông Nguyễn Thế H phải có nghĩa vụ trả lại 03 chỉ 5 phân vàng (*ba chỉ năm phân vàng*), loại vàng 97% cho ông Ngô Văn Đ, bà Phan Thị N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Thế H, bà Huỳnh Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 875.000 đồng. Hoàn trả lại 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho ông Ngô Văn Đ, bà Phan Thị N theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007062 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hậu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/4/2021 ông Ngô Văn Đính, bà Phan Thị Nguyễn yêu cầu bà Huỳnh Thị Son, ông Nguyễn Thế Hùng trả lại 04 chỉ vàng, nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp đòi lại tài sản”, nhưng quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ thấy rằng giữa ông Đính, bà Nguyễn với ông Hùng, bà Son có lập giấy vay vàng, là giao dịch dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản (vàng)”.